

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Tiểu khu đô thị 2.8 Phân khu 2 – Khu đô thị du lịch biển
Nam vùng đầm Đê Gi, hạng mục: xây dựng hạ tầng giai đoạn 1 (11,29 ha)
tại Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1785/STNMT-CCBVMT ngày 06/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tiểu khu đô thị 2.8 Phân khu 2 – Khu đô thị du lịch biển Nam vùng đầm Đê Gi, hạng mục: xây dựng hạ tầng giai đoạn 1 (11,29 ha) tại Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tiểu khu đô thị 2.8 Phân khu 2 – Khu đô thị du lịch biển Nam vùng đầm Đê Gi, hạng mục: xây dựng hạ tầng giai đoạn 1 (11,29 ha) tại Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1374/UBND-BQL ngày 11/7/2023 của UBND huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 899/TTr-STNMT ngày 26/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tiểu khu đô thị 2.8 Phân khu 2 – Khu đô thị du lịch biển Nam vùng đầm Đê Gi, hạng mục: xây dựng hạ tầng giai đoạn 1 (11,29 ha) (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Cát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Hải;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 3-4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất cát,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 118 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Mùi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình (bao bì đựng xi măng, xà bần,...) phát sinh khoảng 1.758 tấn.

- Đất bóc hữu cơ phát sinh trong quá trình thi công xây dựng khoảng 13.533,56 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5,3 kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 704 kg/ngày; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát (dầu mỡ

thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu...) với khối lượng khoảng 120 kg trong thời gian thi công.

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 4,22 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

Phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải

- Tác động từ quá trình chiếm dụng đất, tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự, an ninh xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động nhựa composite và hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

+ Hướng thoát nước của dự án tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt, hệ thống thoát nước thiết kế tự chảy từ Bắc vào Nam bằng các tuyến cống tròn BTCT D600mm, D800mm, D1100mm, D1500mm, sau đó xả ra suối thoát nước hiện trạng ở phía Nam.

+ Dọc theo biên dự án ở phía Tây, bố trí tuyến mương đất, đáy rộng 2,0m (bố trí tạm) để thu gom nước từ lưu vực phía Tây dẫn dòng thoát về suối thoát nước ở phía Nam dự án.

+ Xây dựng tuyến mương bằng BTCT kích thước (0,5x0,5)m dài 192 m để thu gom nước mặt dọc theo bãi đỗ xe ở biên phía Nam, đầu nối vào tuyến cống dọc D1500 ở phía Đông dự án.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại của các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE-PE100 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Phương án xử lý nước thải của dự án như sau:

+ Giai đoạn 1 (khi lượng nước thải phát sinh thấp hơn 50 m³/ngày): xây dựng bể tự hoại cải tiến 05 ngăn, thể tích 100 m³ để xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý được xả thải bằng đường ống D400 vào suối phía Nam của Dự án tại vị trí có tọa độ: X = 1.551.772; Y = 606.117 (hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3⁰), phương thức xả thải là tự chảy.

+ Giai đoạn 2: Khi lượng nước thải phát sinh từ 50 m³/ngày trở lên và hệ thống xử lý nước thải tập trung của vùng (thuộc Dự án Phân khu 2 - Khu trung tâm đô thị du lịch biển) chưa xây dựng thì xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm cho dự án. Nước thải sau xử lý được xả thải bằng đường ống D400 vào suối phía Nam của Dự án tại vị trí có tọa độ: X = 1.551.772; Y = 606.117 (hệ tọa độ VN-2000, múi chiếu 3⁰), phương thức xả thải là tự chảy.

Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Nước thải đầu ra đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT).

+ Giai đoạn 3: Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung chung cho cả vùng Nam Đề Gi được xây dựng thì hệ thống xử lý nước thải của dự án sẽ chuyển đổi thành trạm bơm để bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của vùng.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí hệ thống cây xanh theo quy hoạch được phê duyệt.

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

- Trồng dải cây xanh cách ly xung quanh khu đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng kín và lắp đặt hệ thống xử lý mùi hôi bằng than hoạt tính.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Đất bóc phong hóa, đất đào hữu cơ được tận dụng đổ vào diện tích cây xanh của Dự án khoảng 4.802 m³, phần còn lại được vận chuyển đổ thải tại hố đất trống, trồng do khai thác titan và đã đóng cửa mỏ của Công ty TNHH Phú Hiệp thuộc thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát với khối lượng 8.800 m³.

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Rác thải sinh hoạt tại các gia đình được đơn vị thu gom chất thải rắn trên địa bàn đến thu gom. Bố trí khu vực tập kết thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt tại khu đất cây xanh (đảm bảo vệ sinh môi trường và có mái che).

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công theo đúng quy định. Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn bằng cách bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào giờ nghỉ trưa (11h30 - 13h30), không hoạt động trong khoảng thời gian từ 21h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định

của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

+ Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

+ Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét kênh thu nước đảm bảo không gây sa bồi xuống hạ lưu; thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

+ Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng nội quy làm việc tại công trường, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

- Trong giai đoạn hoạt động:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường ống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải.

+ Đối với sự cố trong hệ thống xử lý nước thải: sử dụng tín hiệu báo sự cố khi có sự cố xảy ra; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố, đồng thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Phù Cát để phối hợp quản lý và hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực tiếp giáp khu dân cư hiện trạng phía Đông dự án (tọa độ: 1.552.138; 606.324).

- Các chỉ tiêu giám sát: Bụi, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy

hại:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, khối lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.